BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

1-26

Phòng thi: 1
Giảng đường: H2.2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021-2022

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0810111064	Nguyễn Nhân	Anh	03/07/2002	TC8A	01	26	6,0	1	Anh	Lẻ
2	000002	0810111071	Trương Ngọc	Anh	26/07/2002	TC8A	01	25	2,0	2	Anh	chẵn
3	000003	0810111088	Vũ Thi Phương	Anh	26/06/2000	TC8A	01	24	10	1	Anh	Lẻ
4	000004	0810111075	Đoàn Thị	Ánh	11/06/2002	TC8A	01	23	9,5	1	Ánh	chẵn
5	000005	0810110893	Nguyễn Xuân	Bảo	06/06/1997	TC8A	01	22	1,5	1	Bảo	lẻ
6	000006	0810111605	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	11/02/2001	TC8A	01	21	Mười	1	Chi	chẵn
~~7~~	~~000007~~	~~0810111346~~	~~Bùi Thị Kim~~	~~Cúc~~	~~07/04/2002~~	~~TC8A~~	~~01~~					HP
8	000008	0810111057	Trần Tiến	Đạt	28/05/2002	TC8A	01	20	8,0	1	Đạt	chẵn
9	000009	0810110504	Chu Quang	Đức	18/06/2002	TC8A	01	19	3,0	1		Lẻ
10	000010	0810111610	Phạm Minh	Đức	19/12/2002	TC8A	01	18	3,0	1	Đức	chẵn
11	000011	0810110873	Nguyễn Thị Tuyết	Dung	08/12/2002	TC8A	01	17 9,8	9,8	1	Dung	Lẻ
12	000012	0810110507	Nguyễn Hương	Giang	10/11/2002	TC8A	01	16	9,5	1	Giang	Chẵn
13	000013	0810110759	Nguyễn Ngọc	Hà	12/09/2002	TC8A	01	15	5,0	1	Hà	lẻ
14	000014	0810111079	Triệu Thị Thúy	Hà	15/08/2002	TC8A	01	14	Mười	2	Hà	chẵn
15	000015	0810110900	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	21/02/2002	TC8A	01	13	7,5	2	Hạnh	Lẻ
~~16~~	~~000016~~	~~0810111070~~	~~Lê Xuân~~	~~Hòa~~	~~09/08/2002~~	~~TC8A~~	~~01~~					HP,ĐK
17	000017	0810110483	Khương Mạnh	Hùng	01/01/2002	TC8A	01	12	4,0	1	Hùng	lẻ
18	000018	0810111076	Phạm Thị	Hương	02/06/2002	TC8A	01	11	8,5	1	Hương	Chẵn
19	000019	0810111629	Ngô Thị Thu	Hường	24/04/2002	TC8A	01	10	Mười	02		Lẻ
20	000020	0810111055	Đào Đức	Huy	28/07/2002	TC8A	01	9	Mười	1	Huy	chẵn
21	000021	0810111631	Dương Văn	Huy	19/12/2002	TC8A	01	7	9,0	02	Huy	Lẻ
~~22~~	~~000022~~	~~0810111102~~	~~Hoàng Nguyễn Hữu~~	~~Huy~~	~~16/02/2002~~	~~TC8A~~	~~01~~					HP,ĐK
23	000023	0810111636	Vũ Thị Thu	Huyền	04/10/2002	TC8A	01	8	3,5	1	Huyền	lẻ
24	000024	0810110558	Đỗ Thùy	Linh	22/11/2002	TC8A	01	6	9,5	1		chẵn
25	000025	0810110864	Phạm Hà Thu	Ngân	11/12/2002	TC8A	01	5	7,5	1		lẻ
26	000026	0810111060	Vũ Thị Hồng	Ngọc	01/01/2002	TC8A	01	4	5,0	1	Ngọc	Chẵn
27	000027	0810111080	Lê Hồng Minh	Nguyên	10/11/2002	TC8A	01	3	5,0	2	Nguyên	lẻ
28	000028	0810111054	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	28/04/2002	TC8A	01	2	9,5	2	Nguyệt	Chẵn
29	000029	0810110494	Nguyễn Thị Lan	Phương	08/10/2002	TC8A	01	1	8,5	2	phương	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 26
Tổng số tờ giấy thi: 35
Tổng số biên bản: 0

Ngày 08 tháng 06 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1 — Nguyễn Thị Kim Dung

Cán bộ coi thi 2 — Hoàng T. Mai

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

52 - 78

Phòng thi: 2
Giảng đường: H2.3_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021-2022

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000030	0810111663	Nguyễn Thu	Phương	02/09/2002	TC8A	01	52	2,5	1	Phương	
2	000031	0810111666	Phạm Minh	Quân	24/11/2002	TC8A	01					HP.ĐI
3	000032	0810110542	Nguyễn Minh	Quang	16/04/2002	TC8A	01	53	5,5	1	Quang	
4	000033	0810110923	Hoàng Văn	Quế	05/05/2002	TC8A	01	54	2,0	1	Quế	
5	000034	0810111514	Nguyễn Ngọc	Sơn	15/11/2002	TC8A	01	55	7,5	2	Sơn	
6	000035	0810111545	Nguyễn Trung	Thực	19/12/2002	TC8A	01	56	7,0	1	Thực	
7	000036	0810111311	Vũ Thị Thu	Trang	21/11/2002	TC8A	01	57	9,0	1	Trang	
8	000037	0810110986	Đào Minh	Tuấn	14/07/2002	TC8A	01	58	một	1	Tuấn	
9	000038	0810310831	Đặng Thu	Uyên	08/06/2002	TC8A	01	59	10	1	Uyên	
10	000039	0810111051	Nguyễn Thị Thu	Uyên	07/05/2002	TC8A	01	60	10	2	Uyên	
11	000040	0810111062	Vũ Thị Thảo	Vân	16/02/2002	TC8A	01	61	8,3	1	Vân	
12	000041	0810110556	Phùng Đức	Vinh	30/01/2002	TC8A	01	62	3,5	1	Vinh	
13	000042	0510120006	Tô Như	Linh	18/10/1998	NH6A	02	63	3,5	1	Linh	
14	000043	0810121597	Lê Quỳnh	Anh	07/03/2002	NH8A	02	64	2,0	1	Anh	
15	000044	0810120852	Nguyễn Đức	Anh	15/08/2002	NH8A	02	65	không	1		
16	000045	0810121077	Nguyễn Trang	Anh	08/08/2002	NH8A	02	66	10	2	Anh	
17	000046	0810120889	Phạm Ngọc	Bang	09/08/2002	NH8A	02	67	2,5	1	Bang	
18	000047	0810120882	Phạm Tiến	Đạt	28/07/2002	NH8A	02	68	2,5	1	Đạt	
19	000048	0810120482	Hoàng Minh	Đức	01/01/2002	NH8A	02	69	5,5	1	Đức	
20	000049	0810120557	Vũ Khánh	Đức	05/11/2002	NH8A	02	70	2,0	1	Đức	HP
21	000050	0810121611	Đồng Đức	Dũng	21/08/2002	NH8A	02	71	3,0	1		
22	000051	0810121772	Nguyễn Nhật Anh	Hải	27/04/2000	NH8A	02	72	không	1		
23	000052	0810120861	Lương Thị Thanh	Hằng	15/10/2002	NH8A	02	73	3,0	1	Hằng	
24	000053	0810120886	Nguyễn Văn	Hiển	16/09/2001	NH8A	02	74	2,0	1	Hiển	
25	000054	0810121081	Vũ Minh	Hiếu	24/06/2002	NH8A	02	75	2,5	1	Hiếu	
26	000055	0810120896	Trần Thu	Hoài	06/10/2002	NH8A	02	76	8,5	2	Hoài	
27	000056	0810120497	Nguyễn Huy	Hoàng	30/06/2002	NH8A	02	77	1,5	1	Hoàng	HP
28	000057	0810120513	Lô Quốc	Hưng	28/02/2002	NH8A	02	78	5,0	1	Hưng	

Tổng số sinh viên dự thi: 27
Tổng số tờ giấy thi: 32
Tổng số biên bản: 1.0

Ngày 6 tháng 6 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1 — Phạm T. Hường

Cán bộ coi thi 2 — Lưu Thị Yến

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

125 - 149

Phòng thi: 3
Giảng đường: H2.4_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021-2022

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000058	0810120471	Đào Ngọc	Khải	06/12/2002	NH8A	02	125	2,0	1	Khải	Chẵn
2	000059	0810120493	Hoàng Văn	Lâm	27/04/2002	NH8A	02	126	0,5	1	Lê	HP1
3	000060	0810121638	Lê Ngọc	Lâm	16/08/2002	NH8A	02	127	1,5	1	Lâm	Chẵn
~~4~~	~~000061~~	~~0810121645~~	~~Nguyễn Thị Thanh~~	~~Loan~~	~~12/09/2002~~	~~NH8A~~	~~02~~					~~HP,ĐI~~
5	000062	0810120522	Lê Duy	Long	09/09/2002	NH8A	02	128	3,0	1	Long	Chẵn
6	000063	0810121650	Nguyễn Thị Xuân	Mai	01/11/2002	NH8A	02	129	5,5	1	Mai	Lẻ
~~7~~	~~000064~~	~~0810120528~~	~~Nguyễn Thái~~	~~Minh~~	~~09/05/2000~~	~~NH8A~~	~~02~~					~~HP,ĐI~~
8	000065	0810120877	Đào Công	Nam	23/10/2002	NH8A	02	130	3,0	1	Nam	Lẻ
9	000066	0810121093	Lương Quỳnh	Nga	27/04/2002	NH8A	02	131	6,0	2	Nga	Chẵn
10	000067	0810121052	Đàm Vi	Nhật	01/10/2001	NH8A	02	132	2,5	1	Nhật	Lẻ
11	000068	0810121094	Đỗ Thị Yến	Nhi	05/07/2002	NH8A	02	133	5,5	2	Nhi	Chẵn
12	000069	0810120485	Nguyễn Như	Quỳnh	24/12/2002	NH8A	02	134	5,5	1	Quỳnh	Lẻ
13	000070	0810120215	Nguyễn Thị	Thản	31/03/2002	NH8A	02	135	4,0	1	Thản	Chẵn
14	000071	0810120544	Nguyễn Chiến	Thắng	19/09/2002	NH8A	02	136	4,5	1	Thắng	Lẻ
15	000072	0810121676	Lâm Vũ	Thiên	25/04/2002	NH8A	02	137	6,0	1	Thiên	Chẵn
16	000073	0810121677	Phan Thị	Thúy	04/04/2002	NH8A	02	138	5,0	1	Thúy	Lẻ
17	000074	0810120487	Trần Thị Minh	Thúy	24/04/2002	NH8A	02	139	5,5	1	Thúy	Chẵn
18	000075	0810120868	Vũ Thị Thủy	Tiên	10/03/2002	NH8A	02	140	4,0	1	Tiên	Lẻ
~~19~~	~~000076~~	~~0810120922~~	~~Vương Khánh~~	~~Toàn~~	~~09/09/2002~~	~~NH8A~~	~~02~~					~~ĐK~~
20	000077	0810121682	Hoàng Thị Thùy	Trang	03/09/2002	NH8A	02	141	Không	1	Trang	Lẻ
21	000078	0610120759	Lê Thị Thùy	Trang	30-10-2000	NH8A	02	142	2,0	1	Trang	Chẵn
22	000079	0810120858	Nguyễn Thị Huyền	Trang	15/09/2002	NH8A	02	143	8,0	2	Trang	Lẻ
23	000080	0810121784	Phạm Thị Hải	Yến	25/12/2000	NH8A	02	144	3,5	1	Yến	Chẵn
24	000081	0810310960	Đặng Phương	Anh	19/03/2002	QT8A	03	145	2,5	2	P Anh	Lẻ
25	000082	0810310274	Đào Thị Lan	Anh	15/01/2002	QT8A	03	146	6,0	2	Anh	Chẵn
26	000083	0810210012	Đào Tuấn	Anh	27/01/2002	QT8A	03	147	3,5	1	Anh	Lẻ
27	000084	0810311719	Lê Việt	Anh	11/03/2000	QT8A	03	148	2,0	1	Việt	Chẵn
28	000085	0810311065	Trần Trung	Anh	22/09/2002	QT8A	03	149	6,0	1	Anh	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 25
Tổng số tờ giấy thi: 30
Tổng số biên bản: 0

Ngày 8 tháng 6 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1 — Phạm Thị Loan

Cán bộ coi thi 2 — Ngô Văn Yên

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

104 – 124

Phòng thi: 4
Giảng đường: H2.5_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021-2022

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000086	0810310894	Vũ Phương	Anh	04/01/2002	QT8A	03	104	9,0	2	P.Anh	
2	000087	0810310867	Đào Xuân	Bách	07/06/2002	QT8A	03	105	Không	1	Bách	
3	000088	0810310872	Nguyễn Tiến	Chung	09/06/2002	QT8A	03					HP
4	000089	0810310301	Võ Ngọc Thùy	Dương	06/04/2002	QT8A	03	106	4,0	1	Dương	
5	000090	0810310432	Ngô Thị Thu	Hà	01/01/2001	QT8A	03	107	2,0	1	Hà	
6	000091	0810310892	Nguyễn Thị Thu	Hằng	03/02/2002	QT8A	03	108	9,0	2	Hằng	
7	000092	0810310857	Phạm Thị Thu	Hằng	22/11/2002	QT8A	03	109	2,5	1	Hằng	
8	000093	0810310433	Trương Thúy	Hằng	26/12/2002	QT8A	03					HP
9	000094	0810311385	Vy Văn	Hậu	04/09/2002	QT8A	03	110	5,0	1	Hậu	Hậu
10	000095	0810310317	Nguyễn Trung	Hiếu	24/10/2002	QT8A	03	111	1,5	1	Hiếu	
11	000096	0810310268	Nguyễn Thị Thu	Hoài	01/08/2002	QT8A	03					HP
12	000097	0810310879	Trần Thu	Huệ	25/09/2002	QT8A	03	112	Không	1	Huệ	
13	000098	0810310326	Trần Văn	Huy	16/10/2002	QT8A	03	113	4,0	3	Huy	
14	000099	0810311443	Nguyễn Phương	Linh	21/05/2002	QT8A	03	114	6,5	2	Linh	
15	000100	0810311444	Nguyễn Thùy	Linh	20/10/2002	QT8A	03	115	7,5	1	Linh	
16	000101	0810310876	Lê Hải	Nam	27/12/2002	QT8A	03					HP
17	000102	0810310357	Nguyễn Minh	Ngọc	26/11/2002	QT8A	03	116	3,5	1	Ngọc	
18	000103	0810310884	Trần Bảo	Ngọc	07/10/2001	QT8A	03					HP
19	000104	0810310859	Vũ Thị Cẩm	Nhung	23/12/2001	QT8A	03					HP
20	000105	0810311741	Trần Thị	Phượng	24/06/2002	QT8A	03	117	10	2	Phượng	
21	000106	0810310726	Trần Thúy	Quỳnh	19/12/2002	QT8A	03	118	4,5	1	Quỳnh	
22	000107	0810310915	Kim Tiến	Thành	09/01/2002	QT8A	03					HP
23	000108	0810311531	Vũ Thị Phương	Thảo	16/07/2002	QT8A	03	119	4,5	1	Thảo	
24	000109	0810310871	Đỗ Thị	Thủy	04/05/2002	QT8A	03	120	0,5	1	Thủy	
25	000110	0810310390	Phạm Ngọc	Tình	02/09/2002	QT8A	03	121	Không	1	Tình	
26	000111	0810310395	Đỗ Thu	Trang	23/11/2002	QT8A	03	122	3,5	01	Trang	
27	000112	0810310860	Nguyễn Thị Linh	Trang	05/03/2002	QT8A	03	123	3,0	1	Trang	
28	000113	0810310878	Nguyễn Văn	Triều	30/09/2002	QT8A	03	124	2,5	1	Triều	

Tổng số sinh viên dự thi: 21
Tổng số tờ giấy thi: 21
Tổng số biên bản: 0

Ngày 8 tháng 10 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1 — Lê Thị Hằng

Cán bộ coi thi 2 — Phan Thúy Nga

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

27 – 51

Phòng thi: 5
Giảng đường: H3.1_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021-2022

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000114	0810311580	Vũ Đăng	Tuấn	16/04/2002	QT8A	03	41	3,0	1	Tuấn	Chẵn
2	000115	0810310466	Nguyễn Thị Hải	Yến	02/11/2002	QT8A	03	42	3,0	1	Yến	HP Lẻ
3	000116	0610311935	Tạ Trung	Đức	14-08-2000	QT6C	04	43	3,5	1	Đức	HP Chẵn
4	000117	0810310880	Bùi Tuấn	Anh	07/01/2002	QT8B	04	44	5,5	1	Anh	Lẻ
5	000118	0810310870	Đào Hải	Anh	30/11/2002	QT8B	04	45	7,5	1		HP Chẵn
6	000119	0810310275	Đoàn Thị Lan	Anh	06/03/2002	QT8B	04	46	3,0	1		Lẻ
7	000120	0810310881	Khúc Thị Lan	Anh	11/08/2002	QT8B	04	47	9,5	2	Lan Anh	chẵn
8	000121	0810311783	Nguyễn Thị Kim	Anh	22/12/2002	QT8B	04	48	7,0	1		Lẻ
9	000122	0810311087	Nguyễn Thị Minh	Anh	21/12/2002	QT8B	04	49	7,5	1		chẵn
10	000123	0810310659	Trần Tuấn	Anh	22/05/2002	QT8B	04	50	Không	1	T.Anh	Lẻ
11	000124	0810310038	Đào Văn	Chiến	08/12/2002	QT8B	04	51	5,0	1	Chiến	Chẵn
12	000125	0810310863	Lê Minh	Công	14/11/2002	QT8B	04					HP,ĐK
13	000126	0810310869	Nguyễn Việt	Cường	11/10/2002	QT8B	04	27	3,0	1	Cường	HP chẵn
14	000127	0810310963	Nguyễn Thị Hà	Giang	30/12/2002	QT8B	04	28	4,0	1	giang	lẻ
15	000128	0810310854	Nguyễn Thị Minh	Hằng	24/10/2002	QT8B	04	29	2,0	1		chẵn
16	000129	0810310898	Trần Thị	Hằng	26/01/2002	QT8B	04	30	9,5	2		lẻ
17	000130	0810310310	Phạm Thị Hồng	Hạnh	07/01/2002	QT8B	04	31	4,0	1	Hạnh	chẵn
18	000131	0810310311	Nguyễn Mạnh	Hiến	16/11/2002	QT8B	04	32	1,5	1		lẻ
19	000132	0810310435	Âu Hoàng	Hiếu	14/12/2002	QT8B	04	33	7,0	1		chẵn
20	000133	0810311084	Đỗ Ngọc	Hiếu	14/08/2002	QT8B	04					HP,ĐK
21	000134	0810310323	Đặng Văn	Hoàng	01/07/2002	QT8B	04	34	4,5	1	Hoàng	chẵn
22	000135	0810310856	Trần Quang	Huy	01/06/2002	QT8B	04	35	3,5	1	Huy	Lẻ
23	000136	0810310331	Bùi Trung	Kiên	26/03/1999	QT8B	04					HP,ĐK
24	000137	0810311434	Lê Thị	Liên	03/05/2002	QT8B	04	36	4,0	1	Liên	lẻ
25	000138	0810310347	Đào Thảo	Ly	28/07/2002	QT8B	04	37	5,0	1		Chẵn
26	000139	0810310702	Phan Đình	Minh	21/04/2002	QT8B	04	38	1,5	1		HP
27	000140	0810310352	Nguyễn Thị	Nga	22/09/2002	QT8B	04	39	1,5	1	Nga	Chẵn
28	000141	0810310899	Lê Thị Hồng	Ngát	13/10/2002	QT8B	04	40	8,5	2	Ngát	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi:...25...
Tổng số tờ giấy thi:.....28 (28)
Tổng số biên bản:.....0...

Ngày 08 tháng 06 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1 — Bùi Thị Yến

Cán bộ coi thi 2 — Ngô Thị Anh

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

79_103

Phòng thi: 6
Giảng đường: H3.2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021-2022

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000142	0810310971	Hoàng Bích	Ngọc	21/04/2002	QT8B	04	79	5,0	01	Ngọc	
2	000143	0810311731	Phạm Thị	Ngọc	21/02/2002	QT8B	04	80	8,5	01	Ngọc	
3	000144	0810310450	Phạm Thị	Nhâm	25/05/2002	QT8B	04	81	6,0	01	Nhâm	
4	000145	0810310717	Nguyễn Thị Yến	Ninh	14/01/2002	QT8B	04	82	3,0	01	Ninh	
5	000146	0810311509	Nguyễn Thị	Quỳnh	03/11/2002	QT8B	04	83	4,8	01	Quỳnh	
6	000147	0810310728	Nguyễn Phúc	Sơn	01/03/2002	QT8B	04				Vắng	HP
7	000148	0810310378	Nguyễn Đức	Thắng	21/02/2002	QT8B	04				Vắng	HP.ĐK
8	000149	0810310875	Vũ Thành	Thép	20/10/2002	QT8B	04	84	1,5	01	Thép	
9	000150	0810310384	Đoàn Minh	Thu	09/10/2002	QT8B	04	85	5,8	01	Thu	
10	000151	0810310394	Đặng Thùy	Trang	05/03/2001	QT8B	04				Vắng	HP
11	000152	0810310398	Nguyễn Thị	Trang	19/12/2002	QT8B	04	86	5,8	01	Trang	
12	000153	0810310855	Vũ Xuân	Trường	04/11/2002	QT8B	04	87	Một	01	Trường	
13	000154	0810310552	Nguyễn Văn	Tuấn	24/09/2002	QT8B	04	88	4,8	01	Tuấn	
14	000155	0810310273	Hoàng Minh	Vượng	14/04/2000	QT8B	04	89	8,0	01	Vượng	
15	000156	0810330279	Nguyễn Thị Lan	Anh	15/12/2000	QM8A	05	90	3,5	01	Lan Anh	
16	000157	0810331736	Đào Thị Nguyên	Giáng	11/02/2001	QM8A	05	91	8,0	02	Giáng	
17	000158	0810330912	Đinh Thị Thu	Hà	04/07/2002	QM8A	05	92	6,5	01	Hà	
18	000159	0810330316	Nguyễn Đức	Hiếu	17/10/2002	QM8A	05	93	5,5	01	Hiếu	
19	000160	0810330865	Phạm Đình	Kiệt	08/04/2002	QM8A	05	94	4,0	01	Kiệt	
20	000161	0810331455	Đinh Thị	Mai	19/07/2002	QM8A	05	95	7,0	02	Mai	
21	000162	0810330911	Lê Minh	Ngọc	15/11/2002	QM8A	05	96	1,5	01	Ngọc	
22	000163	0810330359	Nguyễn Công	Nguyên	30/01/2002	QM8A	05	97	4,5	01	Nguyên	
23	000164	0810331485	Quàng Thị	Ninh	10/01/2002	QM8A	05	98	4,3	01	Ninh	
24	000165	0810331082	Đỗ Văn	Phú	21/09/2002	QM8A	05	99	3,5	01	Phú	HP
25	000166	0810330375	Vũ Thị Thanh	Tâm	21/10/2001	QM8A	05	100	8,5	01	Tâm	
26	000167	0810331061	Ngô Thị Thu	Trang	17/02/2002	QM8A	05	101	5,0	01	Trang	
27	000168	0810331069	Trần Thu	Trang	05/11/2002	QM8A	05	102	6,5	01	Trang	
28	000169	0810330409	Đàm Trọng	Vinh	27/11/2001	QM8A	05	103	3,0	01	Vinh	

Tổng số sinh viên dự thi:....25.....
Tổng số tờ giấy thi:....27.....
Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày ..8... tháng ..6.. Năm 2022

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Kim Oanh

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

207 - 234

Phòng thi: 7
Giảng đường: A5_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021-2022
Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000170	0810210901	Nông Hồng	An	11/05/2002	KD8B	06	207	6,3	1		Đề chẵn
2	000171	0810210182	Lê Tuyết	Anh	06/12/2002	KD8B	06	208	2,0	1		Đề lẻ
3	000172	0810211118	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	20/08/2002	KD8B	06	209	10	1	Anh	Đề chẵn
4	000173	0810211600	Vương Minh	Anh	24/09/2002	KD8B	06	210	1,5	1		Đề lẻ
5	000174	0810210796	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	05/12/2002	KD8B	06	211	2,5	1		chẵn
6	000175	0810211010	Đoàn Thị Quỳnh	Chi	29/12/2002	KD8B	06	212	6,5	2	Chi	lẻ
7	000176	0810210845	Trần Thị	Chu	25/11/2002	KD8B	06	213	4,5	1	Chu	chẵn
8	000177	0810211771	Nguyễn Thị Kim	Cúc	22/09/2002	KD8B	06	214	3,0	1	Cúc	lẻ
9	000178	0810210815	Nguyễn Thị Thùy	Dung	17/02/2002	KD8B	06	215	3,5	01	Dung	chẵn
~~10~~	~~000179~~	~~0810811035~~	~~Đỗ Thu~~	~~Giang~~	~~09/10/2002~~	~~KD8B~~	~~06~~					HP
11	000180	0810210992	Lê Thu	Hà	21/08/2002	KD8B	06	216	4,5	01	Hà	chẵn
12	000181	0810211037	Nguyễn Thị Bích	Hằng	22/07/2002	KD8B	06	217	6,5	02	Hằng	lẻ
13	000182	0810210813	Vũ Thị Hồng	Hạnh	09/05/2002	KD8B	06	218	6,5	1	Hạnh	chẵn
14	000183	0810210315	Lê Trung	Hiếu	25/12/2002	KD8B	06	219	5,0	2	Hiếu	lẻ
15	000184	0810210193	Nguyễn Phương	Hoa	04/03/2002	KD8B	06	220	5,0	01	Hoa	chẵn
16	000185	0810210950	Phạm Thị	Hòa	23/04/2002	KD8B	06	221	1,5	01	Hòa	lẻ
17	000186	0810211014	Vũ Thị Minh	Hòa	26/04/2002	KD8B	06	222	4,0	01	Hoà	chẵn
18	000187	0810211002	Nguyễn Thị Thu	Hồng	27/04/2002	KD8B	06	223	6,5	01	Hồng	lẻ
~~19~~	~~000188~~	~~0810211775~~	~~Hoàng Thu~~	~~Hương~~	~~17/09/2000~~	~~KD8B~~	~~06~~					HP,ĐK
20	000189	0810210074	Phạm Thu	Huyền	03/06/2002	KD8B	06	224	3,5	01		lẻ
21	000190	0810210083	Nguyễn Thị	Lan	04/01/2002	KD8B	06	225	9,5	02	Lan	chẵn
~~22~~	~~000191~~	~~0810210088~~	~~Ngô Hoài~~	~~Linh~~	~~09/05/2002~~	~~KD8B~~	~~06~~					HP,ĐK
23	000192	0810210798	Phạm Mai	Linh	06/01/2002	KD8B	06	226	không	01	Linh	chẵn
24	000193	0810211019	Nguyễn Thị	Lương	23/02/2002	KD8B	06	227	7,0	02	Lương	lẻ
25	000194	0810210097	Nguyễn Văn	Lương	19/09/2002	KD8B	06	228	5,8	01	Lương	chẵn
26	000195	0810211030	Phạm Thị Quỳnh	Mai	31/05/2002	KD8B	06	229	6,0	02	Mai	lẻ
27	000196	0810211180	Đào Thị Trà	My	18/09/2002	KD8B	06	230	9,8	01		chẵn
28	000197	0810210209	Lê Quỳnh	Nga	27/10/2002	KD8B	06	231	5,0	01	Nga	lẻ
29	000198	0810210111	Lương Thu	Nga	06/09/2002	KD8B	06	232	không	01		chẵn
30	000199	0810210112	Nguyễn Kim	Ngân	25/09/2002	KD8B	06	233	4,0	01		lẻ
31	000200	0810211038	Vũ Trang	Ngân	20/04/2002	KD8B	06	234	6,0	01	Ngân	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 28
Tổng số tờ giấy thi: 34
Tổng số biên bản: 0

Ngày 08 tháng 6 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Nhàn Trần Minh Nhật

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

293 – 324

Phòng thi: 8
Giảng đường: A6_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021-2022
Học phần: Mô hình toán kinh tế

Mã đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000201	0810211009	Trương Thị Hồng	Ngọc	07/03/2002	KD8B	06	293	4,5	02	Ngọc	lẻ
2	000202	0810210118	Vũ Thị Thanh	Nhàn	25/05/2002	KD8B	06	294	4,0	01	Nhàn	chẵn
3	000203	0810210121	Phạm Thị Yến	Nhi	28/11/1998	KD8B	06	295	2,0	01	Nhi	lẻ
4	000204	0810210211	Bùi Thị Hồng	Nhung	29/11/1999	KD8B	06	296	10	02	Nhung	chẵn
5	000205	0810210951	Chu Thị Thu	Phương	01/12/2002	KD8B	06	297	2,0	01	Phương	lẻ
6	000206	0810210885	Lê Thị	Phương	03/07/2001	KD8B	06	298	3,0	01	Phương	chẵn
7	000207	0810210906	Nguyễn Vũ Hoài	Phương	01/08/2002	KD8B	06	299	8,5	02	Phương	lẻ
8	000208	0810210942	Vũ Thị Ánh	Quỳnh	29/01/2002	KD8B	06	300	không	01	Quỳnh	chẵn
9	000209	0810211001	Ngô Thị Thanh	Tâm	19/05/2002	KD8B	06	301	2,5	02	Tâm	lẻ
10	000210	0810210150	Nguyễn Thị	Thu	19/10/2002	KD8B	06	302	5,0	01	Thu	chẵn
11	000211	0810211732	Chu Hoài	Thương	05/02/2002	KD8B	06	303	4,5	01	Thương	lẻ
12	000212	0810211227	Trần Thị	Thúy	22/04/2002	KD8B	06	304	3,5	01	Thúy	chẵn
13	000213	0810210220	Nguyễn Linh	Thảy	29/06/2002	KD8B	06	305	3,0	01	Thảy	lẻ
14	000214	0810211013	Nguyễn Thu	Trang	16/03/2002	KD8B	06	306	8,5	02	Trang	chẵn
15	000215	0810210169	Lại Thị	Tuyết	05/04/2002	KD8B	06	307	3,0	01	Tuyết	lẻ
16	000216	0810211031	Trần Thu	Uyên	20/11/2002	KD8B	06	308	7,5	01	Uyên	chẵn
17	000217	0810210826	Nguyễn Thị Thu	Yến	21/09/2002	KD8B	06	309	5,5	02	Yến	lẻ
18	000218	0810210794	Bùi Thị Minh	Anh	07/07/2002	KD8C	07	310	5,0	01	BAnh	chẵn
19	000219	0810211113	Lê Thị Nguyệt	Anh	20/06/2002	KD8C	07	311	5,0	01	N.Anh	lẻ
20	000220	0810211748	Nguyễn Phương	Anh	03/02/2002	KD8C	07	312	6,0	01	Uyenk	chẵn
21	000221	0810210187	Đỗ Ngọc	Ánh	26/01/2002	KD8C	07	313	6,0	02	Ánh	lẻ
22	000222	0810211752	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	11/10/2002	KD8C	07	314	5,5	01	Ánh	chẵn
23	000223	0810211125	Phạm Thị Ngọc	Ánh	03/08/2002	KD8C	07	315	5,5	02	Ánh	lẻ
24	000224	0810211735	Hoàng Thị	Băng	11/03/2002	KD8C	07	316	3,5	01	Băng	chẵn
25	000225	0810210032	Ngô Thùy	Chi	12/06/2002	KD8C	07	317	1,5	01	Chi	lẻ
26	000226	0810210039	Nguyễn Thành	Công	14/08/2002	KD8C	07	318	10	02	Công	Chẵn
27	000227	0810211135	Nguyễn Thùy	Dương	04/04/2002	KD8C	07	319	9,5	02	Dương	lẻ
28	000228	0810210999	Nguyễn Thị	Duyên	28/10/2002	KD8C	07	320	4,5	01	Nguyen	chẵn
29	000229	0810210047	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/07/2002	KD8C	07	321	1,5	01	Duyên	lẻ
30	000230	0810211027	Lương Thị Hương	Giang	16/12/2002	KD8C	07	322	10	02	Giang	chẵn
31	000231	0810211007	Lê Thu	Hà	03/09/2002	KD8C	07	323	5,0	01	Hà	lẻ
32	000232	0810210930	Nguyễn Đỗ Hải	Hà	01/05/2002	KD8C	07	324	không	01	Hà	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 32
Tổng số tờ giấy thi: ~~44~~ 43
Tổng số biên bản: 0

Ngày 8 tháng 6 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Huyền Đỗ Thanh Hoàn

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

325 – 355

Phòng thi: 9
Giảng đường: A7_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021-2022
Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000233	0810211143	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	23/06/2002	KD8C	07	325	7,0	01	Hằng	Lẻ
2	000234	0810211015	Đào Thị	Hậu	18/06/2002	KD8C	07	326	7,0	01	Hậu	Chẵn
3	000235	0810210843	Nông Hoàng Hải	Hậu	03/11/2002	KD8C	07	327	5,0	01	Hậu	Lẻ
4	000236	0810210195	Lương Thị	Hương	12/06/2002	KD8C	07	328	7,0	01	Hương	Chẵn
5	000237	0810210069	Phạm Thị Thu	Hương	24/09/2000	KD8C	07	329	4,0	01	Hương	Lẻ
6	000238	0810211164	Tạ Khánh	Huyền	24/12/2002	KD8C	07	330	7,0	01	Huyền	Chẵn
7	000239	0810210080	Vũ Đức	Khánh	07/08/2002	KD8C	07	331	5,5	01	Khánh	Lẻ
8	000240	0810210821	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	30/03/2002	KD8C	07	332	5,0	01	Lan	Chẵn
9	000241	0810211017	Phạm Thị Khánh	Linh	21/11/2002	KD8C	07	333	4,5	01	Linh	Lẻ
10	000242	0810210101	Nguyễn Thị Hương	Ly	16/08/2002	KD8C	07	334	4,0	01	Ly	Chẵn
11	000243	0810210811	Trần Thị Ngọc	Mai	22/01/2001	KD8C	07	335	6,5	01	Mai	Lẻ
12	~~000244~~	~~0810210103~~	~~Nông Đức~~	~~Mạnh~~	~~13/09/2002~~	~~KD8C~~	~~07~~					HP
13	000245	0810210108	Hoàng Trà	My	17/06/2002	KD8C	07	336	5,5	01	My	Lẻ
14	000246	0810210842	Nguyễn Hoà	Nam	24/08/2002	KD8C	07	337	5,5	01	Nam	Chẵn
15	000247	0810210632	Nguyễn Thiên	Nga	19/07/2002	KD8C	07	338	6,5	01	Nga	Lẻ
16	000248	0810211047	Nguyễn Thị Hà	Nguyên	08/09/2002	KD8C	07	339	8,0	01	Nguyên	Chẵn
17	000249	0810210598	Phạm Thị Mỹ	Nhật	06/04/2002	KD8C	07	340	6,0	01	Nhật	Lẻ
18	000250	0810210941	Lê Thị Kim	Oanh	01/11/2002	KD8C	07	341	9,0	01	Oanh	Chẵn
19	000251	0810210809	Vũ Thị Lan	Phương	21/10/2002	KD8C	07	342	6,5	01	Phương	Lẻ
20	000252	0810210129	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	24/01/2001	KD8C	07	343	7,0	01	Phượng	Chẵn
21	000253	0810211048	Lê Thị	Sim	18/07/2002	KD8C	07	344	mười	02	Sim	Lẻ
22	000254	0810210829	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	03/09/2002	KD8C	07	345	7,5	01	Thắm	Chẵn
23	000255	0810211006	Nguyễn Thị	Thu	28/02/2002	KD8C	07	346	6,0	02	Thu	Lẻ
24	000256	0810210808	Trần Thị Minh	Thúy	10/02/2001	KD8C	07	347	4,0	01	Thúy	Chẵn
25	000257	0810211016	Bùi Thị Khánh	Thùy	09/10/2001	KD8C	07	348	không	01	Thùy	Lẻ
26	000258	0810211744	Hoàng Phương	Thùy	12/06/2002	KD8C	07	349	9,0	01	Thùy	Chẵn
27	000259	0810210157	Nguyễn Đức	Toàn	22/07/2002	KD8C	07	350	5,5	01	Toàn	Lẻ
28	000260	0810210221	Nguyễn Thị	Trà	31/05/2002	KD8C	07	351	5,0	01	Trà	Chẵn
29	000261	0810210995	Trần Thị	Trang	17/09/2002	KD8C	07	352	mười	01	Trang	Lẻ
30	000262	0810210405	Phạm Minh	Tuấn	01/03/2002	KD8C	07	353	5,5	01	Tuấn	Chẵn
31	000263	0810210171	Nguyễn Ánh	Tuyết	14/11/2001	KD8C	07	354	6,5	01	Tuyết	Lẻ
32	000264	0810211246	Nguyễn Thị Hồng	Vân	21/01/2002	KD8C	07	355	9,0	01	Vân	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:...31.....
Tổng số tờ giấy thi:...33.....
Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày ..8.. tháng ..6.. Năm 2022

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Đặng Thị Hồng Thanh Hoàng Chí Thường Giang

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

386 - 415

Phòng thi: 10
Giảng đường: A8_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021-2022
Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000265	0810210914	Cao Thị Hải	Yến	31/12/2002	KD8C	07	386	4,5	2	Yến	lẻ
~~2~~	~~000266~~	~~0810210180~~	~~Nguyễn Thị Hải~~	~~Yến~~	~~09/11/2002~~	~~KD8C~~	~~07~~					HP Văn
3	000267	0810211106	Đào Thu	An	01/12/2002	KD8D	08	387	3,5	1	An	lẻ
4	000268	0810210981	Đặng Phương	Anh	13/05/2002	KD8D	08	388	4,0	1	Anh	chẵn
5	000269	0810210016	Lê Thị Ngọc	Anh	01/09/2002	KD8D	08	389	6,5	1	Anh	lẻ
6	000270	0810210020	Phạm Vân	Anh	29/01/2002	KD8D	08	390	10	1	Anh	chẵn
7	000271	0810211121	Lại Thị Ngọc	Ánh	21/08/2002	KD8D	08	391	2,5	1	Ánh	lẻ
8	000272	0810210834	Trương Minh	Ánh	26/05/2002	KD8D	08	392	1,5	1	Ánh	chẵn
9	000273	0810211023	Nguyễn Phong	Châu	05/12/2002	KD8D	08	393	9,0	2	Châu	lẻ
10	000274	0810210034	Nguyễn Huệ	Chi	04/08/2002	KD8D	08	394	6,0	1	Chi	chẵn
11	000275	0810211352	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	23/05/2002	KD8D	08	395	7,0	1	Diễm	lẻ
12	000276	0810210797	Nguyễn Thị	Duyên	31/10/2002	KD8D	08	396	8,0	1	Duyên	chẵn
13	000277	0810211138	Nguyễn Thu	Giang	06/01/2002	KD8D	08	397	8,5	1	Giang	lẻ
14	000278	0810210841	Phạm Thị Minh	Hằng	08/06/2001	KD8D	08	398	2,5	1	Hằng	chẵn
15	000279	0810211012	Đoàn Thu	Hiền	16/09/2002	KD8D	08	399	5,0	1	Hiền	lẻ
16	000280	0810210062	Dương Đức	Hoàng	03/05/2002	KD8D	08	400	Không	1	Hoàng	chẵn
17	000281	0810210196	Ngô Thị Lan	Hương	17/10/2002	KD8D	08	401	5,5	1	Hương	lẻ
18	000282	0810211165	Trần Thị Khánh	Huyền	21/10/2002	KD8D	08	402	8,0	1	Huyền	chẵn
19	000283	0810210904	Đỗ Thị Bích	Liên	27/02/2002	KD8D	08	403	5,0	1	Liên	lẻ
20	000284	0810210202	Nguyễn Thị Thùy	Linh	03/03/2001	KD8D	08	404	5,8	1	Linh	chẵn
21	000285	0810211707	Triệu Thị Phương	Linh	31/08/2002	KD8D	08	405	5,0	1	Phương	lẻ
22	000286	0810210096	Vương Thị Diệu	Linh	30/08/2002	KD8D	08	406	2,5	1	Linh	chẵn
23	000287	0810210098	Đào Cẩm	Ly	20/08/2002	KD8D	08	407	3,5	1	Ly	lẻ
24	000288	0810210099	Hoàng Thị Bảo	Ly	05/08/2002	KD8D	08	408	Không	1	Ly	chẵn
25	000289	0810210206	Trần Thị	Mai	24/04/2002	KD8D	08	409	8,0	2	Mai	lẻ
26	000290	0810211044	Trịnh Thị	Mai	14/06/2002	KD8D	08	410	10	1	Mai	chẵn
27	000291	0810211301	Bùi Thị Trà	My	25/10/2002	KD8D	08	411	6,5	1	My	lẻ
28	000292	0810210110	Đinh Thị Thúy	Nga	31/12/2002	KD8D	08	412	4,0	1	Nga	chẵn
~~29~~	~~000293~~	~~0810210848~~	~~Trần Thị~~	~~Nga~~	~~06/10/2002~~	~~KD8D~~	~~08~~					HP,ĐK
30	000294	0810210116	Bùi Yến	Ngọc	15/10/2001	KD8D	08	413	5,0	1	Ngọc	chẵn
31	000295	0810211191	Nguyễn Thị Thủy	Nguyên	24/08/2002	KD8D	08	414	7,5	2	Nguyên	lẻ
32	000296	0810211193	Nguyễn Minh	Nhi	16/01/2002	KD8D	08	415	5,8	1	Nhi	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 30
Tổng số tờ giấy thi: 33 + 1 = 34
Tổng số biên bản: 0

Ngày 8 tháng 6 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1 — Nguyễn Thị Thu

Cán bộ coi thi 2 — Trần Thu Nga

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

235 - 264

Phòng thi: 11
Giảng đường: A11_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021-2022
Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000297	0810210125	Quách Đắc	Phúc	13/11/2002	KD8D	08	235	5,5	02	Phúc	lẻ
2	000298	0810210126	Đỗ Hồng	Phương	17/09/2002	KD8D	08	236	5,0	01	Phương	chẵn
3	000299	0810211204	Nguyễn Trần Thiên	Sơn	26/07/2002	KD8D	08	237	1,5	01	Sơn	lẻ
4	000300	0810210943	Hoàng Thị	Tâm	22/10/2002	KD8D	08	238	7,5	01	Tâm	chẵn
5	000301	0810211209	Lê Thị	Thanh	06/07/2002	KD8D	08	239	9,5	01	Thanh	lẻ
6	000302	0810210216	Trần Nguyễn Thu	Thảo	27/07/2002	KD8D	08	240	5,5	01	Thảo	chẵn
7	000303	0810210486	Ngô Đức	Thiện	24/06/2002	KD8D	08	241	4,0	01	Thiện	Lẻ
8	000304	0810210148	Lê Thị	Thu	10/03/2002	KD8D	08	242	5,5	01	Thu	chẵn
9	000305	0810210807	Trần Thị	Thu	20/02/2002	KD8D	08	243	5,0	01	Thu	lẻ
10	000306	0810210806	Nguyễn Thị	Thuy	27/03/2002	KD8D	08	244	7,5	01	Thuy	Chẵn
11	000307	0810210153	Quách Thị	Thuy	21/09/2002	KD8D	08	245	9,0	01	Thuy	lẻ
12	000308	0810211718	Hoàng Thu	Trang	27/05/2002	KD8D	08	246	mười	01	Trang	Chẵn
13	000309	0810210810	Trần Thị Ánh	Tuyết	07/04/2002	KD8D	08	247	3,0	01	Tuyết	lẻ
14	000310	0810210177	Đặng Thế	Vũ	27/07/2002	KD8D	08	248	1,5	01	Vũ	chẵn
15	000311	0810210795	Đào Thị Lan	Anh	15/04/2002	KD8E	09	249	3,0	01	Anh	lẻ
~~16~~	~~000312~~	~~0810210902~~	~~Nguyễn Lê Vân~~	~~Anh~~	~~21/09/2002~~	~~KD8E~~	~~09~~					HP
17	000313	0810210183	Nguyễn Thị Huệ	Anh	09/07/2002	KD8E	09	250	3,0	01	Anh	lẻ
18	000314	0810210839	Nguyễn Thị Vân	Anh	11/09/2002	KD8E	09	251	4,0	01	Anh	chẵn
19	000315	0810210836	Nguyễn Thị Vân	Anh	25/08/2002	KD8E	09	252	4,0	01	Anh lẻ	~~DK~~
20	000316	0810211029	Trần Thị Lan	Anh	24/01/2002	KD8E	09	253	7,0	01	Anh	Chẵn
21	000317	0810210025	Lưu Thị Ngọc	Ánh	06/01/2002	KD8E	09	254	5,0	01	Ánh	lẻ
22	000318	0810211128	Bùi Mai	Chi	26/01/2002	KD8E	09	255	3,0	01	Chi	Chẵn
23	000319	0810210828	Trịnh Thị Kim	Chi	19/10/2002	KD8E	09	256	3,5	01	Chi (lẻ)	lẻ
24	000320	0810211004	Lưu Thị Ngọc	Diệp	18/10/2002	KD8E	09	257	6,0	01	Diệp	chẵn
25	000321	0810210670	Trịnh Trọng	Đức	15/12/2002	KD8E	09	258	1,5	01	Đức	Lẻ
26	000322	0810211039	Ly Suy	Gơ	16/06/2002	KD8E	09	259	9,0	01	Gơ	chẵn
27	000323	0810211142	Trương Thu	Hà	26/07/2002	KD8E	09	260	3,5	01	Hà	Lẻ
28	000324	0810210903	Đinh Thị Diệu	Hằng	13/11/2002	KD8E	09	261	3,5	01	Hằng	chẵn
29	000325	0810210064	Dương Thị Minh	Huệ	08/12/2002	KD8E	09	262	5,0	01	Huệ	lẻ
30	000326	0810211158	Đào Ngọc	Huyền	16/08/2002	KD8E	09	263	mười	01	Huyền	chẵn
~~31~~	~~000327~~	~~0810210081~~	~~Nguyễn Mạnh~~	~~Kiểm~~	~~27/11/2001~~	~~KD8E~~	~~09~~					HP,DK
32	000328	0810211166	Lê Cẩm	Lan	24/11/2002	KD8E	09	264	mười	02	Lan	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 30
Tổng số tờ giấy thi: 32
Tổng số biên bản: 0

Ngày 8 tháng 06 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Vũ Ngọc Loan Trần Thị Hường

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

265 - 292

Phòng thi: 12
Giảng đường: A12_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021-2022
Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000329	0810210840	Cao Thị	Linh	26/02/2002	KD8E	09	265	9,5	1	Linh	
2	000330	0810211034	Nguyễn Thị Mai	Linh	19/01/2002	KD8E	09	266	6,5	1	Linh	
3	000331	0810210095	Vũ Thị Khánh	Linh	16/09/2002	KD8E	09	267	3,5	1	Linh	
4	000332	0810210802	Nguyễn Thị Hương	Ly	17/09/2002	KD8E	09	268	5,0	1	Ly	
5	000333	0810211011	Vũ Thị Quỳnh	Mai	13/10/2002	KD8E	09	269	6,5	1	Mai	
6	000334	0810211755	Lê	Na	24/04/2001	KD8E	09	270	10	1	Na	HP
7	~~000335~~	~~0810811036~~	~~Đàm Thị~~	~~Nga~~	~~02/03/2002~~	~~KD8E~~	~~09~~					HP,ĐK
8	000336	0810211187	Đỗ Kim	Ngân	04/02/2002	KD8E	09	271	10	1	Ngân	
9	000337	0810210997	Nguyễn Minh	Ngọc	16/01/2001	KD8E	09	272	8,0	1	Ngọc	
10	000338	0810210117	Vũ Thảo	Nguyên	09/12/2002	KD8E	09	273	9,0	1	Nguyên	
11	000339	0810211764	Lê Thị Yến	Nhi	30/08/2001	KD8E	09	274	1,5	1	Nhi	
12	000340	0810210120	Phạm Thị Phương	Nhi	01/04/2002	KD8E	09	275	2,0	1	Nhi	
13	000341	0810211762	Đỗ Thị	Nhung	02/06/2001	KD8E	09	276	7,5	2	Nhung	
14	000342	0810210825	Đỗ Thu	Phương	09/02/2002	KD8E	09	277	3,5	01	Phương	
15	000343	0810211200	Nguyễn Hà	Phương	21/08/2002	KD8E	09	278	1,5	1	phương	
16	000344	0810210213	Nguyễn Thu	Phương	30/01/2002	KD8E	09	279	1,5	1	Phương	
17	000345	0810210837	Chu Hương	Thảo	31/05/2002	KD8E	09	280	3,0	1	Thảo	
18	~~000346~~	~~0810211785~~	~~Nguyễn Phương~~	~~Thảo~~	~~07/11/2002~~	~~KD8E~~	~~09~~					HP,ĐK
19	000347	0810210146	Hoàng Thị	Thêu	03/03/2002	KD8E	09	281	6,0	2	Thêu	
20	000348	0810210804	Đỗ Thị Hoài	Thư	01/11/2002	KD8E	09	282	7,0	1	Thư	
21	000349	0810210608	Lều Thị Thu	Thuỷ	09/04/2002	KD8E	09	283	6,5	02	Thuỷ	
22	000350	0810210156	Hoàng Thu	Thủy	10/07/2002	KD8E	09	284	3,0	1	Thủy	
23	~~000351~~	~~0810210850~~	~~Nguyễn Thị~~	~~Trang~~	~~22/08/2002~~	~~KD8E~~	~~09~~					HP,ĐK
24	000352	0810210165	Trần Việt	Trinh	29/11/2002	KD8E	09	285	5,5	1	Trinh	
25	~~000353~~	~~0810210844~~	~~Bế Thu~~	~~Uyên~~	~~22/07/2002~~	~~KD8E~~	~~09~~					HP
26	000354	0810210224	Phạm Thị Minh	Xuân	05/01/2002	KD8E	09	286	3,5	01	Xuân	
27	000355	0810210225	Đỗ Hải	Yến	09/06/2002	KD8E	09	287	9,0	02	Yến	
28	000356	0810211024	Nguyễn Thị Thảo	Hiền	22/08/2002	KD8E	10	288	7,5	02	Hiền	
29	000357	0810211045	Đào Thị Lan	Anh	28/12/2002	KD8G	10	289	6,5	1	Anh	
30	000358	0810211005	Lê Thị Phương	Anh	09/12/2002	KD8G	10	290	10	01	Anh	
31	000359	0810211115	Nguyễn Quỳnh	Anh	04/12/2002	KD8G	10	291	4,5	01	Anh	
32	000360	0810211117	Nguyễn Thị Huyền	Anh	13/06/2002	KD8G	10	292	8,0	01	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi:...28..
Tổng số tờ giấy thi:...33..
Tổng số biên bản:...0.....

Ngày ..8... tháng 6.. Năm 2022

Cán bộ coi thi 1 — Cán bộ coi thi 2

Trương Thị Bích — Đỗ Thu Hường

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

179 - 206

Phòng thi: 13
Giảng đường: A13_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021-2022
Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000361	0810210184	Phạm Thị Minh	Anh	03/02/2002	KD8G	10	179	3,5	01	Anh	Lê
2	000362	0810210469	Tô Tuấn	Anh	02/06/2001	KD8G	10	180	2,5	01	Anh	Chẵn
3	000363	0810210021	Trịnh Quỳnh	Anh	06/06/2002	KD8G	10	181	5,0	01	Anh	lẻ
4	000364	0810210026	Nguyễn Ngọc	Ánh	26/04/2002	KD8G	10	182	5,0	02	Ánh	chẵn
5	000365	0810210569	Đặng Bảo	Châu	12/04/2002	KD8G	10	183	4,0	01	châu	lẻ
6	000366	0810211129	Đinh Linh	Chi	24/09/2002	KD8G	10	184	7,5	02	Chi	chẵn
7	000367	0810211020	Trịnh Thị Lệ	Chi	31/08/2002	KD8G	10	185	4,5	01	Chi	lẻ
8	000368	0810211740	Đỗ Thị Thùy	Dung	29/09/2002	KD8G	10	186	4,5	01	Dung	chẵn
9	000369	0810211703	Phạm Hồng	Duyên	01/11/2002	KD8G	10	187	4,5	01	Duyên	lẻ
~~10~~	~~000370~~	~~0810210996~~	~~Lê Hoàng Hương~~	~~Giang~~	~~28/11/2002~~	~~KD8G~~	~~10~~					ĐK
11	000371	0810210053	Vũ Ngọc	Hà	28/09/2002	KD8G	10	188	5,0	02	Hà	Lẻ
~~12~~	~~000372~~	~~0810210190~~	~~Luyện Thu~~	~~Hằng~~	~~04/11/2002~~	~~KD8G~~	~~10~~					HP;ĐK
13	000373	0810210846	Trần Thị Thu	Hiền	22/10/2002	KD8G	10	189	2,5	01	Hiền	lẻ
14	000374	0810211145	Nguyễn Trung	Hiếu	22/12/2001	KD8G	10	190	4,5	01	Hiếu	chẵn
15	000375	0810211717	Bùi Duy	Hưng	19/10/2002	KD8G	10	191	5,0	01	Hưng	HP lẻ
16	000376	0810210065	Đỗ Duy	Hưng	02/10/2002	KD8G	10	192	5,0	01	Hưng	chẵn
17	000377	0810211160	Nguyễn Ngọc	Huyền	31/10/2002	KD8G	10	193	Mất	01	Huyền	lẻ
18	000378	0810210935	Lê Thị	Lan	15/09/2002	KD8G	10	194	7,8	01	Lan	chẵn
19	000379	0810210822	Đào Thị Hoài	Linh	06/06/2002	KD8G	10	195	2,0	01	Linh	lẻ
~~20~~	~~000380~~	~~0810210198~~	~~Hoàng Thị Mỹ~~	~~Linh~~	~~19/12/2002~~	~~KD8G~~	~~10~~					HP;ĐK
21	000381	0810211046	Nguyễn Thị Hoài	Linh	10/12/2002	KD8G	10	196	3,5	02	Linh	lẻ
22	000382	0810210994	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17/07/2002	KD8G	10	197	6,0	01	Linh	chẵn
23	000383	0810210092	Phạm Quang	Linh	29/09/2000	KD8G	10	198	4,5	01	Linh	lẻ
24	000384	0810210472	Nguyễn Bảo	Luân	24/08/2002	KD8G	10	199	7,3	02	Luân	chẵn
25	000385	0810210102	Nguyễn Thị	Lý	12/04/2002	KD8G	10	200	6,5	02	Lý	lẻ
26	000386	0810211178	Nông Thị Quỳnh	Mây	15/10/2002	KD8G	10	201	6,0	01	Mây	chẵn
~~27~~	~~000387~~	~~0810210208~~	~~Phạm Quang~~	~~Minh~~	~~14/12/2002~~	~~KD8G~~	~~10~~					HP;ĐK
28	000388	0810210803	Đào Thị Thúy	Nga	14/02/2002	KD8G	10	202	4,0	01	Nga	Chẵn
29	000389	0810210113	Tạ Thu	Ngân	13/10/2002	KD8G	10	203	2,5	01	Ngân	lẻ
30	000390	0810211008	Dương Minh	Nghĩa	13/08/2002	KD8G	10	204	8,5	01	Nghĩa	Chẵn
31	000391	0810211742	Trần Thị Bích	Ngọc	11/12/2002	KD8G	10	205	5,0	01	Ngọc	lẻ
32	000392	0810210805	Nguyễn Thị	Nguyệt	07/04/2002	KD8G	10	206	6,0	01	Nguyệt	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 28
Tổng số tờ giấy thi: 34
Tổng số biên bản: 0

Ngày 28 tháng 06 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1 — Phạm Thị Phương

Cán bộ coi thi 2 — Đỗ Thị Huyền Thanh

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

356 - 385

Phòng thi: 14
Giảng đường: A14_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021-2022
Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000393	0810211725	Lê Thị Hồng	Nhung	19/01/2002	KD8G	10	356	9,5	02	Nhung	Lẻ
~~2~~	~~000394~~	~~0810211201~~	~~Nguyễn Thị Thu~~	~~Phương~~	~~01/08/2002~~	~~KD8G~~	~~10~~					HP.ĐK
3	000395	0810210812	Tống Việt	Quốc	07/06/2002	KD8G	10	357	5,5	C1	Quốc	lẻ
4	000396	0810211728	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	25/06/2002	KD8G	10	358	5,0	01	Quỳnh	Chẵn
5	000397	0810210849	Nguyễn Hồng	Sơn	28/10/2002	KD8G	10	359	3,5	01	Sơn	lẻ
6	000398	0810211026	Đỗ Thị Hoài	Thu	12/12/2002	KD8G	10	360	6,8	02	Thu	chẵn
7	000399	0810210991	Đỗ Thị Kim	Thư	07/09/2002	KD8G	10	361	10	02	~~Thư~~	lẻ
8	000400	0810210154	Đinh Thị	Thúy	25/08/2002	KD8G	10	362	6,3	01	~~Thúy~~	chẵn
9	000401	0810211722	Nguyễn Thu	Thủy	07/09/2002	KD8G	10	363	3,5	01	thủy	lẻ
10	000402	0810211236	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/12/2002	KD8G	10	364	6,5	02	Trang	Chẵn
11	000403	0810211688	Nguyễn Thị Linh	Tú	10/03/2002	KD8G	10	365	7,0	02	Tú	lẻ
12	000404	0810210173	Phạm Thu	Uyên	01/03/2002	KD8G	10	366	2,0	01	uyn	HP chẵn
13	000405	0810211040	Nguyễn Thị Như	Ý	04/04/2002	KD8G	10	367	4,0	01	ý	lẻ
14	000406	0810210819	Nguyễn Thị Như	Ý	14/05/2002	KD8G	10	368	Không	01	ý	chẵn
15	000407	0810611252	Nguyễn Đình	An	10/09/2002	KA8A	11	369	7,5	02	An	Lẻ
16	000408	0810611746	Nguyễn Thanh	Hà	30/03/2002	KA8A	11	370	6,8	01	Hà	chẵn
17	000409	0810610895	Nguyễn Thế	Hiển	12/04/2002	KA8A	11	371	Không	01	Hiển	lẻ
18	000410	0810610838	Dương Thị Thanh	Hoài	22/11/2002	KA8A	11	372	9,0	02	Hoài	Chẵn
19	000411	0810610230	Lê Thanh	Hương	30/06/2002	KA8A	11	373	3,0	01	Hương	lẻ.
20	000412	0810611256	Nguyễn Thanh	Huyền	24/11/2002	KA8A	11	374	9,8	01	Huyền	chẵn
21	000413	0810611743	Nguyễn Thị Khánh	Linh	19/08/2002	KA8A	11	375	2,5	01	K.Linh	lẻ
22	000414	0810611022	Vũ Thị	Minh	19/12/2002	KA8A	11	376	7,8	01	Minh	chẵn
23	000415	0810611000	Bùi Thị Huyền	My	15/12/2002	KA8A	11	377	5,0	01	My	lẻ
24	000416	0810231103	Đinh Văn	Nghĩa	15/03/2002	KA8A	11	378	5,0	01	Nghĩa	chẵn
25	000417	0810610122	Nguyễn Thị	Nhung	17/01/2002	KA8A	11	379	5,5	01	~~Nhung~~	lẻ
26	000418	0810610232	Trần Đức	Thắng	31/01/2002	KA8A	11	380	5,5	01	~~Thắng~~	chẵn
27	000419	0810210013	Đỗ Thảo	Anh	21/09/2002	KD8H	11	381	2,5	01	Anh	lẻ
28	000420	0810210015	Đỗ Vân	Anh	11/12/2002	KD8H	11	382	4,8	01	Anh	chẵn
29	000421	0810211032	Nguyễn Thị Minh	Anh	27/05/2002	KD8H	11	283	2,5	01	Anh	lẻ
~~30~~	~~000422~~	~~0810210185~~	~~Trịnh Phương~~	~~Anh~~	~~20/03/1999~~	~~KD8H~~	~~11~~					HP.ĐK
31	000423	0810210565	Vũ Thị Lan	Anh	08/07/2002	KD8H	11	284	5,0	02	Lan	lẻ
32	000424	0810211123	Nguyễn Thị	Ánh	24/11/2002	KD8H	11	285	4,5	01	Ánh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 30
Tổng số tờ giấy thi: 39
Tổng số biên bản: 0

Ngày 8 tháng 6 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1 — Nguyễn Thị Hoàng Liên

Cán bộ coi thi 2 — Bùi Thị Minh Nhân

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

416 _ 447

Phòng thi: 15
Giảng đường: A19_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021-2022
Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000425	0810211706	Đinh Thị Lệ	Chi	01/08/2002	KD8H	11	416	7,0	1	Chi	lẻ
2	000426	0810211693	Nguyễn Thị Nguyệt	Chinh	02/12/2002	KD8H	11	417	7,0	2	Chinh	chẵn
3	000427	0810210045	Nguyễn Thùy	Dương	16/08/2002	KD8H	11	418	4,0	1	Dương	lẻ
4	000428	0810211765	Phan Thị Thu	Hà	05/09/2001	KD8H	11	419	một	1	Hà	chẵn
5	000429	0810210931	Đỗ Thị Thu	Hằng	09/09/2002	KD8H	11	420	3,0	1	Hằng	lẻ
6	000430	0810211709	Trần Thị	Hiên	14/12/2002	KD8H	11	421	2,0	1	Hiên	chẵn
7	000431	0810211146	Lê Thị	Hòa	19/03/2002	KD8H	11	422	mười	2	Hòa	lẻ
8	000432	0810210060	Vũ Thu	Hoài	24/09/2002	KD8H	11	423	9,0	1	Hoài	chẵn
9	000433	0810211710	Trần Thị Thu	Hồng	28/10/2002	KD8H	11	424	8,0	1	Hồng	lẻ
10	000434	0810211149	Đỗ Tràng	Hùng	05/01/2002	KD8H	11	425	7,0	1	Hùng	chẵn
11	000435	0810210194	Bùi Thị Thu	Hương	05/03/2002	KD8H	11	426	2,0	1	Hương	lẻ
12	000436	0810211708	Nguyễn Thanh	Huyền	10/09/2002	KD8H	11	427	4,0	1	Huyền	chẵn
13	000437	0810210824	Phạm Ngọc	Huyền	07/05/2002	KD8H	11	428	1,5	1	Huyền	lẻ
14	000438	0810210936	Nguyễn Thị	Lan	02/04/2002	KD8H	11	429	6,5	1	Lan	chẵn
15	000439	0810211714	Hà Khánh	Linh	16/09/2002	KD8H	11	430	1,5	1	Linh	lẻ
16	000440	0810211723	Nguyễn Thị Thùy	Linh	28/09/2002	KD8H	11	431	6,5	1	Linh	chẵn
17	000441	0810211003	Hoàng Thị Thanh	Loan	31/05/2002	KD8H	11	432	9,5	2	Loan	lẻ
18	000442	0810210204	Lê Thị Cẩm	Ly	08/06/2002	KD8H	11	433	5,5	1	Ly	chẵn
19	000443	0810210105	Nguyễn Thị Hằng	Mơ	06/10/2002	KD8H	11	434	không	1	Mơ	lẻ
20	000444	0810210908	Trần Thị Kim	Ngân	21/03/2002	KD8H	11	435	3,0	1	Ngân	chẵn
21	000445	0810211715	Trần Thị Minh	Ngọc	19/04/2002	KD8H	11	436	1,5	1	Ngọc	lẻ
22	000446	0810211734	Đỗ Thanh	Nhài	27/04/2002	KD8H	11	437	5,5	1	Nhài	chẵn
23	000447	0810211194	Nguyễn Kim	Nhung	29/07/2002	KD8H	11	438	6,5	1	Nhung	lẻ
24	000448	0810211042	Nguyễn Thu	Phương	06/04/2002	KD8H	11	439	6,0	1	phg	chẵn
25	000449	0810211208	Phạm Đức	Thắng	01/11/2002	KD8H	11	440	7,0	2	Thắng	lẻ
26	000450	0810210133	Bùi Bích	Thảo	30/10/2001	KD8H	11	441	5,0	1	Thảo	chẵn
27	000451	0810210134	Bùi Thị	Thảo	17/09/2001	KD8H	11	442	6,5	2	Thảo	lẻ
28	000452	0810210140	Nguyễn Thị Thu	Thảo	29/12/2002	KD8H	11	443	3,0	1	Thảo	chẵn
29	000453	0810211221	Hồ Thị Hoài	Thu	13/09/2002	KD8H	11	444	5,5	1	Thu	lẻ
30	000454	0810210218	Ngô Thị	Thu	02/02/2002	KD8H	11	445	4,5	1	Thu	chẵn
31	000455	0810210832	Phạm Thị Thanh	Thúy	13/04/2002	KD8H	11	446	5,5	2	Thúy	lẻ
32	000456	0810210998	Nguyễn Thị	Thủy	09/08/2002	KD8H	11	447	mười	2	Thủy	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 32
Tổng số tờ giấy thi: 39
Tổng số biên bản: 0

Ngày 8 tháng 6 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

150 - 178

Phòng thi: 16
Giảng đường: A20_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021-2022
Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	~~000457~~	~~0810210853~~	~~Nguyễn Thị Thùy~~	~~Trang~~	~~20/05/2002~~	KD8H	11					~~HP~~
2	000458	0810210799	Phạm Thị Thanh	Tú	03/05/2002	KD8H	11	150	6,5	01	Tú	
3	000459	0810211240	Nguyễn Sơn	Tùng	23/03/2000	KD8H	11	151	6,5	02	Tùng	
4	000460	0810210949	Tạ Thị Mỹ	Uyên	14/11/2002	KD8H	11	152	6,5	01	Uyên	
5	000461	0810210617	Đỗ Thị	Yên	10/07/2002	KD8H	11	153	3,5	01	Yên	
6	000462	0610210029	Đỗ Thị Lan	Anh	10/08/2000	KD6E	12	154	5,5	01	Anh	HP
7	000463	0810721745	Lê Cao Phú	An	27/11/2002	KL8A	12	155	5,0	01	An	HP
8	000464	~~0810720253~~	~~Nguyễn Thị Vân~~	~~Anh~~	~~09/10/2002~~	KL8A	12					~~HP.ĐK~~
9	000465	~~0810720256~~	~~Nguyễn Thị~~	~~Giang~~	~~06/07/1998~~	~~KL8A~~	~~12~~					~~HP.ĐK~~
10	000466	0810720257	Hoàng Thị Thu	Hà	27/05/2002	KL8A	12	156	7,8	01	Hà	
11	000467	0810720262	Vũ Thị Mai	Linh	05/06/2002	KL8A	12	157	7,5	02	Linh	
12	000468	0810721302	Lê Thị Minh	Nguyệt	26/10/2002	KL8A	12	158	9,5	02	Nguyệt	
13	000469	0810721307	Dương Thị	Quyên	24/03/2002	KL8A	12	159	6,0	01	Quyên	
14	000470	0810720814	Lê Phương	Thảo	21/06/2002	KL8A	12	160	6,0	01	Thảo	
15	000471	0810720907	Nguyễn Thanh	Tùng	14/01/2002	KL8A	12	161	5,0	01		
16	000472	0810721733	Nguyễn Thị Lan	Vy	01/11/2002	KL8A	12	162	8,3	01	Vy	
17	000473	0810810817	Đặng Thị Ngọc	Anh	21/12/2001	TM8A	12	163	5,5	01	Anh	
18	000474	0810811727	Nguyễn Thị Kim	Anh	27/07/2002	TM8A	12	164	9,8	01	Anh	
19	000475	0810811041	Nguyễn Thị Mai	Anh	27/10/2002	TM8A	12	165	6,0	01	Anh	
20	000476	0810811720	Cao Thị	Hiếu	02/01/2002	TM8A	12	166	8,5	01	Hiếu	
21	000477	0810811711	Nguyễn Thị	Huệ	01/08/2002	TM8A	12	167	9,0	02	Huệ	
22	000478	0810811716	Trịnh Thanh	Hương	22/03/2002	TM8A	12	168	7,0	01	Hương	
23	000479	0810811432	Tạ Thị	Lan	10/10/2002	TM8A	12	169	7,5	01	Lan	
24	000480	0810811739	Đỗ Khánh	Linh	28/09/2002	TM8A	12	170	6,5	01		
25	000481	0810811738	Bùi Đức	Mạnh	28/07/2002	TM8A	12	171	10	01	Mạnh	
26	000482	0810811712	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	25/03/2002	TM8A	12	172	9,8	01	Ngân	
27	000483	0810811028	Nguyễn Hồng Bảo	Ngọc	26/07/2001	TM8A	12	173	10	02	Ngọc	
28	000484	0810811273	Hoàng Trúc	Quỳnh	04/09/2002	TM8A	12	174	8,5	01	Quỳnh	
29	000485	0810811025	Nguyễn Thị	Thư	02/10/2002	TM8A	12	175	10	01	Thư	
30	000486	0810810249	Trịnh Thanh	Trang	27/09/2002	TM8A	12	176	9,0	01	Trang	
31	000487	0810810990	Nguyễn Diệu	Trinh	30/09/2002	TM8A	12	177	9,5	01	Trinh	
32	000488	0810810830	Hoàng Khánh	Tùng	26/09/2001	TM8A	12	178	8,0	01	Tùng	

Tổng số sinh viên dự thi: 32
Tổng số tờ giấy thi: 34
Tổng số biên bản: 0

Ngày 04 tháng 06 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2